

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Số: 1383 /QĐ-ĐHL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 24 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng xét miễn, giảm học phí chế độ chính sách sinh viên học kỳ I năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2025 – 2026 cho 301 sinh viên hệ chính quy. Trong đó:

- Miễn học phí: 92 sinh viên.
- Giảm 70% học phí: 198 sinh viên.
- Giảm 50% học phí: 11 sinh viên.

(có danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch - Tài chính và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Đại học Huế (để b/c);
- Lưu: VT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Đức Lương

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

DANH SÁCH
SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025- 2026
(Kèm theo Quyết định số: 1383/QĐ-ĐHL ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng)

I. MIỄN HỌC PHÍ

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
1	22A5010033	Trần Hữu	Công	07/03/2004	Luật K46	Con TB-08
2	22A5010128	Hoàng Thị Mai	Hương	07/08/2004	Luật K46	DT - Hộ nghèo
3	22A5010143	Siu Ju	Ki	22/06/2004	Luật K46	DT - Hộ cận nghèo
4	22A5010356	Hồ Thị	Thương	15/07/2004	Luật K46	DT - Hộ nghèo
5	22A5010362	Đinh Thị Thanh	Thủy	01/10/2004	Luật K46	DT - Hộ nghèo
6	22A5010373	Hồ Thị	Tình	04/06/2004	Luật K46	DT - Hộ nghèo
7	22A5010456	Trần Thị Mỹ	Châu	17/11/2004	Luật K46	DT - Hộ nghèo
8	22A5010551	Ksor	Khiết	05/11/2004	Luật K46	DT - Hộ cận nghèo
9	22A5010563	Lý Văn	Lầu	28/07/2002	Luật K46	DT - Hộ cận nghèo
10	22A5010592	Phạm Đức	Mạnh	04/04/2004	Luật K46	Khuyết tật
11	22A5010604	H Dung	My	23/12/2004	Luật K46	DT - Hộ cận nghèo
12	22A5010778	Vi Văn	Tú	12/10/2003	Luật K46	DT - Hộ cận nghèo
13	22A5010826	H' Him	Miô	08/03/2002	Luật K46	DT - Hộ cận nghèo
14	22A5020006	Huỳnh Thị Bình	An	20/12/2004	LKT K46	Khuyết tật
15	22A5020028	Vi Tuấn	Anh	15/05/2003	LKT K46	DT - Hộ nghèo
16	22A5020132	Trần Phương	Hiền	05/01/2004	LKT K46	Con TB-08
17	22A5020287	Lê Thị	Nguyễn	28/09/2004	LKT K46	Con CB HĐKCNCDHH
18	22A5020304	Phạm Thanh	Nhi	26/08/2004	LKT K46	Con mồ côi
19	22A5020362	Đinh Thị	Sợi	03/07/2004	LKT K46	DT - Hộ cận nghèo
20	22A5020401	A	Thiệt	20/01/2004	LKT K46	DT - Hộ cận nghèo
21	22A5020402	Hồ Thị	Thim	01/03/2004	LKT K46	DT - Hộ nghèo
22	22A5020426	Puih	Thương	10/12/2004	LKT K46	DT - Hộ cận nghèo
23	23A5010059	K'	Biêng	23/10/2003	Luật K47	DT - Hộ cận nghèo
24	23A5010066	Nguyễn Tấn Sơn	Ca	16/03/2004	Luật K47	Con TB-08
25	23A5010076	Lê Thị Bảo	Châu	21/07/2004	Luật K47	Khuyết tật
26	23A5010082	Mai Thị Ngọc	Chi	30/01/2004	Luật K47	Khuyết tật
27	23A5010098	Vi Thành	Đạt	23/04/2005	Luật K47	DT - Hộ nghèo
28	23A5010102	Zơ Râm Hiền	Diễn	26/12/2004	Luật K47	DT - Hộ nghèo

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
29	23A5010135	Rơ Châm	Duyệt	06/11/2005	Luật K47	DT - Hộ nghèo
30	23A5010163	Đặng Thị	Hạ	01/01/2005	Luật K47	DT - Hộ cận nghèo
31	23A5010192	Siu	Hao	31/01/2005	Luật K47	DT - Hộ nghèo
32	23A5010220	Lê Việt	Hoàng	16/10/2005	Luật K47	DT - Hộ nghèo
33	23A5010588	Lê Thị Hoài	Phương	14/10/2005	Luật K47	DT - Hộ nghèo
34	23A5010713	A Việt	Thìn	24/03/2003	Luật K47	DT - Hộ cận nghèo
35	23A5010722	Nguyễn Thị	Thoa	30/04/2005	Luật K47	DT - Hộ nghèo
36	23A5010839	Nguyễn Hoàng Tổ	Uyên	15/05/2005	Luật K47	Khuyết tật
37	23A5010890	Nguyễn Chí	Vỹ	30/07/2005	Luật K47	DT - Hộ nghèo
38	23A5010899	Siu H'	Ý	11/05/2005	Luật K47	DT - Hộ nghèo
39	23A5010915	Kring	Mỹ	25/03/2004	Luật K47	DT - Hộ nghèo
40	22A5020795	Võ Tường	Vy	31/08/2004	LKT K47	Khuyết tật
41	23A5020019	Bùi Minh	Anh	31/03/2005	LKT K47	DT - Hộ cận nghèo
42	23A5020088	Nông Đức	Chí	22/06/2004	LKT K47	DT - Hộ cận nghèo
43	23A5020092	Nông Thị Hồng	Chuyên	26/01/2005	LKT K47	DT - Hộ cận nghèo
44	23A5020134	Nguyễn Thị Thùy	Dương	14/06/2004	LKT K47	Khuyết tật
45	23A5020176	Puih	Hàn	15/11/2005	LKT K47	DT - Hộ cận nghèo
46	23A5020318	Võ Quốc	Lâm	18/10/2004	LKT K47	Con TB-08
47	23A5020660	Hoàng Anh	Thư	20/07/2005	LKT K47	Khuyết tật
48	23A5020697	Phạm Thị	Tinh	20/03/2005	LKT K47	Con TB-08
49	23A5020724	Võ Thị Thu	Trang	10/04/2005	LKT K47	Con TB-08
50	23A5020744	Phạm Thị	Trọng	16/03/2005	LKT K47	Con TB-08
51	23A5020830	Hồ Thị	Chung	05/09/2003	LKT K47	DT - Hộ cận nghèo
52	24A5010120	Trần Đình	Cao	20/08/2006	Luật K48	Con TB-08
53	24A5010254	Lê Hương	Giang	10/04/2006	Luật K48	Khuyết tật
54	24A5010271	Chu Thị Thu	Hà	23/02/2006	Luật K48	DT - Hộ nghèo
55	24A5010481	Sầm Thị Kiều	Khang	27/04/2006	Luật K48	DT - Hộ nghèo
56	24A5010641	Nông Thị	Miến	02/02/2006	Luật K48	DT - Hộ cận nghèo
57	24A5010729	Hoàng Mai Bảo	Ngọc	25/06/2006	Luật K48	Con TB-08
58	24A5010996	Trương Thanh	Tài	09/07/2006	Luật K48	Con TB-08
59	24A5011058	Trần Thị Phương	Thảo	17/01/2006	Luật K48	Con TB-08
60	24A5011121	Vi Thị	Thúy	30/01/2006	Luật K48	DT - Hộ nghèo
61	24A5011212	Hồ Đình	Trí	21/09/2005	Luật K48	DT - Hộ cận nghèo
62	24A5011240	A Lăng	Trung	20/02/2006	Luật K48	DT - Hộ nghèo
63	24A5011292	Coor Việt	Úc	31/10/2006	Luật K48	DT - Hộ cận nghèo

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
64	24A5020003	Nguyễn Vy An	03/08/2006	LKT K48	Con mồ côi
65	24A5020099	Y Biễn	03/10/2006	LKT K48	DT - Hộ cận nghèo
66	24A5020105	Nguyễn Quốc Cầu	13/08/2005	LKT K48	Con TB-08
67	24A5020109	Lý Thị Hồng Châu	24/06/2005	LKT K48	DT - Hộ nghèo
68	24A5020204	Hồ Thị Bích Gái	22/01/2006	LKT K48	DT - Hộ cận nghèo
69	24A5020220	Ksor Hà	24/04/2006	LKT K48	DT - Hộ cận nghèo
70	24A5020286	H- Leo	17/01/2006	LKT K48	DT - Hộ cận nghèo
71	24A5020302	Trần Thị Thanh Hoài	06/07/2006	LKT K48	Con mồ côi
72	24A5020643	Nguyễn Tứ Ngọc	29/10/2005	LKT K48	Con TB-08
73	24A5021108	La Thành Trung	12/01/2006	LKT K48	DT - Hộ cận nghèo
74	24A5021230	Nguyễn Văn Hiếu	26/03/2005	LKT K48	DT - Hộ nghèo
75	24A5020666	Văn Bá Tâm Nguyên	04/11/2006	LKT K48	Con TB-08
76	25A5010098	Bùi Ngọc Duy Bảo	02/04/2007	Luật K49	Con mồ côi
77	25A5010187	Lê Xuân Đạt	20/06/2007	Luật K49	Khuyết tật
78	25A5010411	Nguyễn Văn Huy	02/03/2007	Luật K49	DT - Hộ nghèo
79	25A5010974	Hồ Văn Sang	14/07/2007	Luật K49	Con mồ côi
80	25A5011075	Rơ Mah Thu	22/04/2007	Luật K49	DT - Hộ cận nghèo
81	25A5011255	Ksor H' Tuyn	01/06/2007	Luật K49	DT - Hộ nghèo
82	25A5010645	H' Juyn Mlô	10/05/2006	Luật K49	DT - Hộ nghèo
83	25A5021009	Lầu Y Hải Vân	20/11/2007	Luật K49	DT - Hộ nghèo
84	25A5020255	Nguyễn Công Hoàng	16/08/2007	LKT K49	DT - Hộ cận nghèo
85	25A5020342	Trần Đăng Khôi	04/07/2007	LKT K49	Khuyết tật
86	25A5020346	Hồ Trung Kiên	06/06/2007	LKT K49	DT - Hộ nghèo
87	25A5021070	Hồ Thị Loan	11/09/2006	LKT K49	DT - Hộ cận nghèo
88	25A5020474	H' Thuyết Mlô	16/06/2007	LKT K49	DT - Hộ cận nghèo
89	25A5020785	Lù A Tháng	17/09/2006	LKT K49	DT - Hộ cận nghèo
90	25A5020877	Lê Thị Thanh Thủy	30/08/2007	LKT K49	Khuyết tật
91	25A5020947	Hạng Thị Tranh	12/05/2007	LKT K49	DT - Hộ cận nghèo

(Có 91 sinh viên được miễn học phí)

II. GIẢM 70% HỌC PHÍ

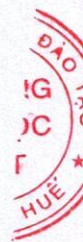
STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
1	22A5010011	Hồ Hoài Anh	25/10/2004	Luật K46	DT - 135
2	22A5010026	Nay H' Chăm	24/10/2003	Luật K46	DT - 135

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
3	22A5010036	Hồ Văn	Cừu	01/04/2004	Luật K46	DT - 135
4	22A5010070	Y Bắc	Êñuôl	23/06/2004	Luật K46	DT - 135
5	22A5010071	Hà	Giấm	24/02/2004	Luật K46	DT - 135
6	22A5010089	K'sor	Hanh	28/11/2004	Luật K46	DT - 135
7	22A5010096	Mai Thị Thu	Hiền	18/08/2004	Luật K46	DT - 135
8	22A5010124	Trần Lê Việt	Hùng	17/11/2004	Luật K46	DT - 135
9	22A5010148	A	Khoa	04/05/2004	Luật K46	DT - 135
10	22A5010189	Hồ Thị Yến	Ly	25/07/2004	Luật K46	DT - 135
11	22A5010192	Y Mai	Ly	25/10/2004	Luật K46	DT - 135
12	22A5010199	Rơ Châm	Mìn	14/02/2004	Luật K46	DT - 135
13	22A5010203	H Ja Na	Mlô	28/11/2004	Luật K46	DT - 135
14	22A5010204	H' Trắng	Mlô	08/02/2004	Luật K46	DT - 135
15	22A5010225	Lê Văn	Nghế	02/08/2003	Luật K46	DT - 135
16	22A5010227	Ksor	Nghiệp	08/08/2004	Luật K46	DT - 135
17	22A5010235	La O Thị Thu	Nguyệt	20/02/2004	Luật K46	DT - 135
18	22A5010261	Y Diên	Niê	02/06/2004	Luật K46	DT - 135
19	22A5010268	Rơ Châm	Phí	25/07/2002	Luật K46	DT - 135
20	22A5010295	Rơ Lan	Quyên	26/05/2004	Luật K46	DT - 135
21	22A5010320	Rơ Mah	Thái	09/11/2004	Luật K46	DT - 135
22	22A5010342	Sùng A	Thì	11/03/2004	Luật K46	DT - 135
23	22A5010374	Nguyễn Đức	Tinh	02/08/2004	Luật K46	DT - 135
24	22A5010424	Đoàn Thị Kim Thảo Buôn	Yă	15/08/2004	Luật K46	DT - 135
25	22A5010446	Phạm Thị Ngọc	Ánh	20/12/2004	Luật K46	DT - 135
26	22A5010462	Hồ Thủy	Chung	13/10/2004	Luật K46	DT - 135
27	22A5010468	Lê Thị	Đào	15/01/2004	Luật K46	DT - 135
28	22A5010543	Nay	H'yui	19/11/2001	Luật K46	DT - 135
29	22A5010557	Lương Thúy	Kiều	29/04/2004	Luật K46	DT - 135
30	22A5010566	Ksor H	Li	12/04/2004	Luật K46	DT - 135
31	22A5010589	Quách Thị Thanh	Mai	28/05/2004	Luật K46	DT - 135
32	22A5010627	Hồ Đình	Ngọc	01/10/2004	Luật K46	DT - 135
33	22A5010684	Rơ Châm	Phyui	02/04/2004	Luật K46	DT - 135
34	22A5010764	Rơ Mah Thị Huyền	Trang	12/09/2004	Luật K46	DT - 135
35	21A5020764	Mai Thị Trà	My	27/08/2003	LKT K46	DT - 135
36	22A5010822	Ksor	Hiệp	15/07/2003	LKT K46	DT - 135
37	22A5020305	Nông Thị Hồng	Nhi	08/07/2004	LKT K46	DT - 135

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
38	22A5020327	Hồ Tựa Xuân	Phong	09/01/2004	LKT K46	DT - 135
39	22A5020488	Trần Quốc	Việt	28/11/2004	LKT K46	DT - 135
40	22A5020531	Lương Thị Ngọc	Ánh	15/06/2004	LKT K46	DT - 135
41	22A5020641	Hồ Trương Thị Ly	Na	30/07/2004	LKT K46	DT - 135
42	22A5020677	Nguyễn Thị Thanh	Nhiên	04/06/2004	LKT K46	DT - 135
43	22A5020766	Lê Thị Kiều	Trang	11/11/2004	LKT K46	DT - 135
44	22A5020798	Hồ Thị Ngọc	Xoan	22/02/2004	Luật K47	DT - 135
45	23A5010022	Ksor Quỳnh	Anh	08/01/2005	Luật K47	DT - 135
46	23A5010068	Arát Mai Gia	Chấn	05/01/2005	Luật K47	DT - 135
47	23A5010073	Đinh Văn	Châu	21/03/2003	Luật K47	DT - 135
48	23A5010198	Lý Thị	Hiền	10/08/2005	Luật K47	DT - 135
49	23A5010238	Hồ Quốc	Hùng	07/01/2005	Luật K47	DT - 135
50	23A5010251	Rơ Châm Siu	Hương	25/11/2005	Luật K47	DT - 135
51	23A5010303	Hà Tuấn	Kiệt	11/07/2005	Luật K47	DT - 135
52	23A5010316	Trần Tổ	Lan	21/10/2005	Luật K47	DT - 135
53	23A5010357	Phạm Tùng	Linh	18/04/2005	Luật K47	DT - 135
54	23A5010403	Y-jơ	Man	16/08/2004	Luật K47	DT - 135
55	23A5010427	Đinh Thị	My	04/02/2005	Luật K47	DT - 135
56	23A5010446	Trần Tổ	Nga	21/10/2005	Luật K47	DT - 135
57	23A5010479	Zơ Râm Thị Bích	Ngọc	24/04/2004	Luật K47	DT - 135
58	23A5010529	Đinh Thị	Nhi	11/12/2005	Luật K47	DT - 135
59	23A5010630	Pơ Loong	Quỳnh	12/02/2005	Luật K47	DT - 135
60	23A5010670	Lường Ngọc	Thắng	27/10/2005	Luật K47	DT - 135
61	23A5010680	Polong	Thành	24/12/2004	Luật K47	DT - 135
62	23A5010689	Trương Thị	Thảo	04/01/2005	Luật K47	DT - 135
63	23A5010690	Đinh Thị Thiên	Thảo	12/04/2005	Luật K47	DT - 135
64	23A5010741	Hồ Ngọc	Thương	11/10/2004	Luật K47	DT - 135
65	23A5010801	A Lăng Minh	Trí	26/03/2005	Luật K47	DT - 135
66	23A5010811	Y Ngọc	Trinh	03/09/2005	Luật K47	DT - 135
67	23A5010820	Hồ Lê Kỳ	Trung	14/03/2005	Luật K47	DT - 135
68	23A5010909	A Viết	Doanh	27/12/2004	Luật K47	DT - 135
69	23A5010920	A Rát	Thọ	25/03/2004	Luật K47	DT - 135
70	23A5020237	H'	Trâm	27/03/2005	LKT K47	DT - 135
71	23A5020368	Giảng A	Ly	01/09/2005	LKT K47	DT - 135
72	23A5020388	H- Đoan	Mlô	23/04/2005	LKT K47	DT - 135

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
73	23A5020436	Lương Thị Bảo Ngọc	23/07/2005	LKT K47	DT - 135
74	23A5020580	Hồ Tấn Sang	12/07/2005	LKT K47	DT - 135
75	23A5020687	Phơ Loong Thị Như Thuyền	16/09/2005	LKT K47	DT - 135
76	23A5020734	Hồ Bá Triều	31/08/2005	LKT K47	DT - 135
77	23A5020829	Rapát Thị Ana	01/02/2004	LKT K47	DT - 135
78	23A5020832	Rơ Mal H'vy	13/10/2004	LKT K47	DT - 135
79	23A5020833	Y Trúc	12/08/2003	LKT K47	DT - 135
80	24A5010092	Nay H' Âu	15/05/2006	Luật K48	DT - 135
81	24A5010095	Phạm Văn Bách	03/10/2006	Luật K48	DT - 135
82	24A5010100	Đỗ Thiên Bảo	27/06/2006	Luật K48	DT - 135
83	24A5010108	Rơ Châm Biết	12-02-2006	Luật K48	DT - 135
84	24A5010125	Nguyễn Thị Thanh Châu	10/11/2006	Luật K48	DT - 135
85	24A5010145	Tơ Ngôn Nam Chun	09/04/2005	Luật K48	DT - 135
86	24A5010151	Hồ Anh Tín	24/09/2005	Luật K48	DT - 135
87	24A5010174	A Rát Đạt	25/04/2003	Luật K48	DT - 135
88	24A5010228	Đinh Nguyễn Thùy Dương	20/04/2006	Luật K48	DT - 135
89	24A5010234	Hồ Nguyên Duy	12/12/2006	Luật K48	DT - 135
90	24A5010241	Hồ Thị Hữu Duyên	13/11/2006	Luật K48	DT - 135
91	24A5010252	Hồ Trường Giang	05/07/2006	Luật K48	DT - 135
92	24A5010296	Rơ Mah Hăng	20/10/2006	Luật K48	DT - 135
93	24A5010299	Hồ Thị Thúy Hằng	28/09/2006	Luật K48	DT - 135
94	24A5010351	Rơ Châm H'Liểu	24/05/2006	Luật K48	DT - 135
95	24A5010370	Hồ Anh Hoàng	10/05/2006	Luật K48	DT - 135
96	24A5010421	Siu Hương	21/04/2006	Luật K48	DT - 135
97	24A5010438	Nguyễn Lâm Huy	18/05/2006	Luật K48	DT - 135
98	24A5010473	Siu Kế	03/09/2006	Luật K48	DT - 135
99	24A5010481	Sầm Thị Kiều Khang	27/04/2006	Luật K48	DT - 135
100	24A5010502	Hồ Lê Đại Khương	27/08/2006	Luật K48	DT - 135
101	24A5010555	Lê Thị Thuý Linh	08/12/2006	Luật K48	DT - 135
102	24A5010602	Vừ Bá Lữ	03/11/2005	Luật K48	DT - 135
103	24A5010685	Hồ Hoài Nam	21/10/2006	Luật K48	DT - 135
104	24A5010721	Nguyễn Thành Nghĩa	22/04/2006	Luật K48	DT - 135
105	24A5010824	Rơ Châm Nhiêng	15/05/2005	Luật K48	DT - 135
106	24A5010835	Quách Ái Như	01-05-2006	Luật K48	DT - 135
107	24A5010848	H' Hoa - Niê	25/09/2006	Luật K48	DT - 135

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
108	24A5010851	Hà Kiều Oanh	15/05/2006	Luật K48	DT - 135
109	24A5010890	Ca Thị Mai Phuong	01/05/2006	Luật K48	DT - 135
110	24A5010918	Bờ Nướch Thị Phượng	01/01/2006	Luật K48	DT - 135
111	24A5010926	Nguyễn Quốc Quân	12/10/2001	Luật K48	DT - 135
112	24A5010955	Bờ Nướch Quyết	18/10/2006	Luật K48	DT - 135
113	24A5010980	Phạm Thị Sao	29/04/2006	Luật K48	DT - 135
114	24A5011008	Thành Trương Nữ Minh Tâm	09/11/2006	Luật K48	DT - 135
115	24A5011033	Zơ Râm Thắng	02/10/2004	Luật K48	DT - 135
116	24A5011039	Alăng Thành	26/02/2005	Luật K48	DT - 135
117	24A5011150	Hồ Duy Tiến	09/01/2006	Luật K48	DT - 135
118	24A5011244	Phạm Quốc Trung	20/05/2006	Luật K48	DT - 135
119	24A5011282	Đình Quang Tường	17/01/2006	Luật K48	DT - 135
120	24A5011283	Lê Thị Tuy	26/06/2006	Luật K48	DT - 135
121	24A5011291	Y Tuyết	21/01/2006	Luật K48	DT - 135
122	24A5011313	Nguyễn Hồng Hạnh	06/01/2006	Luật K48	DT - 135
123	24A5011354	Trần Cát Tường Vy	09/11/2006	Luật K48	DT - 135
124	24A5011375	De Kheri Du Bing	11/10/2005	Luật K48	DT - 135
125	24A5011391	Phan Chí Chữ	14/09/2003	Luật K48	DT - 135
126	24A5020002	Đình Thị Hoài An	14/11/2006	LKT K48	DT - 135
127	24A5020004	Nông Thị An	21/12/2005	LKT K48	DT - 135
128	24A5020006	Ploong Thị Ái An	28/03/2005	LKT K48	DT - 135
129	24A5020181	Trần Thị Thu Dung	13/03/2006	LKT K48	DT - 135
130	24A5020218	Hà Thị Thu Hà	31/03/2006	LKT K48	DT - 135
131	24A5020330	Đình Dương Hưng	13/02/2006	LKT K48	DT - 135
132	24A5020365	Trần Quang Huy	24/06/2006	LKT K48	DT - 135
133	24A5020429	Rõm - Hoàng Kim	21/03/2006	LKT K48	DT - 135
134	24A5020597	Nay- Việt	18/04/2006	LKT K48	DT - 135
135	24A5020672	Rơ Châm Nguyệt	12/10/2006	LKT K48	DT - 135
136	24A5020703	Lữ Bùi Lam Nhi	10/07/2006	LKT K48	DT - 135
137	24A5020713	Rơ Châm Nhi	13/10/2005	LKT K48	DT - 135
138	24A5020835	Y Quyết	10/11/2006	LKT K48	DT - 135
139	24A5020875	Alăng Thúy Tâm	08/11/2006	LKT K48	DT - 135
140	24A5020916	Bùi Thị Kim Thao	23/10/2006	LKT K48	DT - 135
141	24A5021013	Lưu Hải Tiến	23/05/2006	LKT K48	DT - 135
142	24A5021079	Quách Thị Thu Trang	20/11/2005	LKT K48	DT - 135



STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
143	24A5021134	Y	Tuệ	17/12/2006	LKT K48	DT - 135
144	24A5021192	Ksor Hà	Vy	02/07/2006	LKT K48	DT - 135
145	24A5021209	Pơ Loong Anh	Vỹ	07/08/2006	LKT K48	DT - 135
146	24A5021220	Lương Thị Thúy	Yên	24/09/2006	LKT K48	DT - 135
147	24A5021231	Hồ Văn	Quân	01/11/2004	LKT K48	DT - 135
148	24A5020340	Hồ Dịu	Hương	28/04/2006	LKT K48	DT - 135
149	25A5010030	Hoàng	Anh	20/06/2007	Luật K49	DT - 135
150	25A5010031	Hoàng Quốc	Anh	20/10/2007	Luật K49	DT - 135
151	25A5010033	Lê Đức	Anh	16/03/2007	Luật K49	DT - 135
152	25A5010093	H Yuêr	Ayün	10/05/2007	Luật K49	DT - 135
153	25A5010102	Hồ Thanh Thiện Gia	Bảo	02/09/2006	Luật K49	DT - 135
154	25A5010254	H' Ngai	Êñuôl	07/01/2007	Luật K49	DT - 135
155	25A5010259	Rơ Lan	Giang	14/07/2007	Luật K49	DT - 135
156	25A5010266	Ksor - H'	Grem	01/04/2007	Luật K49	DT - 135
157	25A5010270	Hồ Lưu	Hà	04/03/2007	Luật K49	DT - 135
158	25A5010326	Zorâm	Hiệp	05/10/2007	Luật K49	DT - 135
159	25A5010332	Hà Thị Thu	Hiếu	28/06/2007	Luật K49	DT - 135
160	25A5010420	Cao Thị Thúy	Huyền	05/02/2007	Luật K49	DT - 135
161	25A5010491	Y Lâm	Knul	09/02/2007	Luật K49	DT - 135
162	25A5010506	Nguyễn Thị Hồng	Liễu	10/06/2007	Luật K49	DT - 135
163	25A5010508	Rơ Châm	Linh	08/08/2007	Luật K49	DT - 135
164	25A5010514	Đinh Thị Khánh	Linh	19/11/2007	Luật K49	DT - 135
165	25A5010583	Nay	Lưng	06/11/2007	Luật K49	DT - 135
166	25A5010584	Alăng Thảo	Ly	17/06/2007	Luật K49	DT - 135
167	25A5010621	Ksor	Mây	07/06/2007	Luật K49	DT - 135
168	25A5010697	Y	Ngân	23/09/2006	Luật K49	DT - 135
169	25A5010703	Triệu Bàn Doanh	Nghiệp	17/11/2007	Luật K49	DT - 135
170	25A5010730	Hồ Em Khánh	Nguyên	07/10/2007	Luật K49	DT - 135
171	25A5010731	Hồ Thị Blúp	Nguyên	04/06/2007	Luật K49	DT - 135
172	25A5010819	Hồ Thị Kiều Uyên	Như	04/12/2007	Luật K49	DT - 135
173	25A5010846	H Diễm Quỳnh	Niê	09/06/2007	Luật K49	DT - 135
174	25A5010847	H' Mô Ly Phan	Niê	24/09/2007	Luật K49	DT - 135
175	25A5010848	Y Na My	Niê	01/01/2007	Luật K49	DT - 135
176	25A5010898	Hóih	Phương	15/07/2007	Luật K49	DT - 135
177	25A5011060	Y	Thiếu	22/05/2007	Luật K49	DT - 135

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
177	25A5011060	Y Thiếu	22/05/2007	Luật K49	DT - 135
178	25A5011138	Y Tiếp	09/01/2007	Luật K49	DT - 135
179	25A5011179	Phạm Y Huyền Trang	25/01/2007	Luật K49	DT - 135
180	25A5011301	Rmah Vương	06/05/2006	Luật K49	DT - 135
181	25A5011329	Lê Wi	02/01/2006	Luật K49	DT - 135
182	25A5010646	Y - Khuyết Mlô	13/12/2007	Luật K49	DT - 135
183	25A5010276	Nguyễn Siu Hải Hà	25/04/2007	LKT K49	DT - 135
184	25A5011152	Hồ Hiếu Huyền Trân	02/01/2007	LKT K49	DT - 135
185	25A5020076	Hoàng Đặng Kim Chi	05/05/2007	LKT K49	DT - 135
186	25A5020084	Sùng Mí Chúng	08/04/2006	LKT K49	DT - 135
187	25A5020113	Vũ Bảo Định	26/05/2007	LKT K49	DT - 135
188	25A5020289	Hồ Thị Hường	05/03/2007	LKT K49	DT - 135
189	25A5020345	Bo Bo Thị Khuyết	10/06/2007	LKT K49	DT - 135
190	25A5020363	Alăng Thị Mỹ Lệ	23/09/2007	LKT K49	DT - 135
191	25A5020367	Bùi Đan Linh	14/09/2007	LKT K49	DT - 135
192	25A5020441	Y Near Ly	18/01/2007	LKT K49	DT - 135
193	25A5020502	Võ Hồ Hà My	20/05/2007	LKT K49	DT - 135
194	25A5020580	Nguyễn Nguyễn	23/07/2007	LKT K49	DT - 135
195	25A5020745	Nguyễn Hồng Quyên	02/08/2007	LKT K49	DT - 135
196	25A5020794	Phạm Thiên Thanh	04/09/2007	LKT K49	DT - 135
197	25A5021006	Vương Thị Hải Uyên	31/08/2007	LKT K49	DT - 135
198	25A5021071	Hồ Thị Lam Xa	01/04/2006	LKT K49	DT - 135

(Có 198 sinh viên được giảm 70% học phí)

III. GIẢM 50% HỌC PHÍ

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
1	22A5020001	Lê Duy An	01/06/2004	LKT K46	Con CBTNLĐ
2	22A5020338	Lê Minh Quân	28/08/2004	LKT K46	Con CBTNLĐ
3	22A5020533	Phạm Hoàng Thiên Bảo	28/11/1004	LKT K46	Con CBTNLĐ
4	23A5010347	Vương Thị Khánh Linh	01/01/2005	Luật K47	Con CBTNLĐ
5	23A5010452	Trịnh Bích Ngân	15/10/2005	Luật K47	Con CBTNLĐ
6	23A5010641	Lê Hoàng Sang	31/08/2005	LKT K47	Con CBTNLĐ
7	23A5020057	Nguyễn Hoàng Bảo	03/01/2005	LKT K47	Con CBTNLĐ

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
8	23A5020822	Nguyễn Thị Hải Yến	03/08/2005	LKT K47	Con CBTNLĐ
9	24A5010080	Vũ Việt Anh	23/07/2005	Luật K48	Con CBTNLĐ
10	24A5021115	Phan Xuân Trường	23/04/1006	LKT K48	Con CBTNLĐ
11	25A5020758	Nguyễn Thị Như Quỳnh	16/08/2007	LKT K49	Con CBTNLĐ

(Có 11 sinh viên được giảm 50% học phí)

